

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 04 - 2018
V/v: Tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Cên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thành.

2. Ông Trần Văn Cên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đô – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 04 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị C (Thùy)

Địa chỉ: Ấp 6B, xã TH, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 2A, xã TH, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.
(Có mặt)

Bị đơn: Ông Bùi Văn T.

Địa chỉ: Ấp 6B, xã TH, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 03/11/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Võ Thị C trình bày: Bà và ông Bùi Văn T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào ngày 22/8/2014. Trong quá trình chung sống, ông T thường xuyên nhậu nhẹt và hay ghen hay suy diễn rồi dùng những lời thô tục chửi mắng bà. Do không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông T nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Văn T.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung, cháu Bùi Thị Bích T1 (nữ) sinh 14/7/2008 và Bùi Phước Duy (nam) sinh ngày 25/6/2014. Hiện nay 02 cháu đang sống với bà. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Bùi Văn T không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ông Bùi Văn T đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và mẹ ông là bà Lê Thị Hoa cũng cam kết nhận các thông báo của Tòa án và cam kết chuyển lại cho ông T kịp thời nhưng ông T vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, bà Võ Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Bà C cũng xác định giữa bà và ông T không có tài sản chung và không có nợ chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; đối với bị đơn ông Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng không chấp hành quy định về thủ tục tố tụng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Giữa bà C và ông T phát sinh mâu thuẫn, tại phiên tòa bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà C được ly hôn với ông T; Về con chung đề nghị giao cháu T1 và cháu Duy cho bà C nuôi dưỡng, bà C yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; Về tài sản chung và nợ chung bà C xác định không có nên không đề cập giải quyết; Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đề nghị buộc bà C phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí cấp dưỡng nuôi con chung ông T phải chịu 300.000đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Võ Thị C và ông Bùi Văn T do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn ông Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử hai lần nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Bùi Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Võ Thị C và ông Bùi Văn T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã TH. Trong quá trình chung sống bà C và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bà C cho rằng ông T thường nhậu nhẹt và đánh đập bà, nay bà xác định không còn tình cảm với ông T và yêu cầu được ly hôn với ông T. Về phía ông T dù biết bà C yêu cầu ly hôn nhưng cũng không có động thái tích cực để hàn gắn quan hệ vợ chồng, khi Tòa án mời tham gia hòa giải ông T cũng không đến dự. Xét thấy hôn nhân giữa bà C và ông T đã ở trong tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà đã sống ly thân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Võ Thị C được ly hôn với ông Bùi Văn T.

[4] Xét về con chung: Bà C và ông T có 02 con chung là Bùi Thị Bích T1 (nữ) sinh 14/7/2008 và Bùi Phước Duy (nam) sinh ngày 25/6/2014. Hiện nay hai cháu đang sống ổn định với bà C và nguyện vọng của cháu T1 cũng muốn được sống chung với bà C. Để tránh xáo trộn cuộc sống của các cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu Bùi Thị Bích T1 và cháu Bùi Phước Duy cho bà C được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà C yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật là bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ bản cũng phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông Bùi Văn T phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng bằng 650.000đồng cho mỗi cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử cho đến khi cháu T1 và cháu Duy tròn 18 tuổi. Dành quyền chăm sóc và giáo dục con chung cho ông T không ai được quyền ngăn cản.

[5] Xét tài sản chung và nợ chung: Do đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[6] Xét về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Võ Thị C phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Án phí cấp dưỡng nuôi con chung ông Bùi Văn T phải chịu là 300.000đồng

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Võ Thị C được ly hôn với ông Bùi Văn T.

2. Về con chung: Bà Võ Thị C được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Bích T1 (nữ) sinh 14/7/2008 và Bùi Phước Duy (nam) sinh ngày 25/6/2014. Ông Bùi Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 650.000đồng cho mỗi cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu T1 và cháu Duy tròn 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Bùi Văn T không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Võ Thị C phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Võ Thị C đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014421 ngày 03 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà C đã nộp xong). Án phí cấp dưỡng nuôi con chung ông Bùi Văn T phải chịu là 300.000đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- UBND xã TH;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Mạc Thị Cên